**TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH KHOA CHÚ**

***Hòa Thượng Thượng Tịnh Hạ Không chủ giảng***

***Năm 2014***

# **TẬP 54**

*Các vị pháp sư*, *các vị đồng tu*, *xin mời ngồi*!

Mời mọi người cùng tôi quy y Tam Bảo:

“***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***”.

Mời xem “**Đại Kinh Khoa Chú**” trang 244, dòng thứ hai “4 loại hội hiệu bản”. Năm loại nguyên bổn dịch, bốn loại hội hiệu bản “**Năm bản dịch nói trên**, **đều có những chỗ ưu**, **liệt**, **chương**, **hối**”. “Ưu”, ý là phiên dịch được hay “Liệt nghĩa” là phiên dịch có phần kém một chút. Chương chỉ cho phần ý nghĩa, ý nghĩa trong kinh được phô bày, chúng ta có thể nhìn ra được. “Hối” tức là rất tối nghĩa, không thấy được. Nếu như không có người tỉ mỉ giảng giải cho chúng ta, chúng ta sẽ không hiểu được, vẫn có chuyện như vậy. Chẳng hạn, lấy một ví dụ để nói: “**Như** **hai bản Hán dịch và Ngô dịch không đề cập tới**, **Bổn nguyện ‘Mười niệm ắt vãng sanh’ và yếu chỉ nhất hướng chuyên niệm**”, không có nói rõ. Hai điều này hết sức quan trọng, nhưng hai bản dịch này không hề nói rõ. “**Đến đoạn giảng về Ngũ ác**, **Ngũ thống**, **Ngũ thiêu**”, đoạn kinh này có một số bản nói rất rõ ràng, vô cùng quan trọng. Đức Thế Tôn rát miệng, nhọc lòng giảng dạy chân thành, hy vọng chúng ta đừng tạo ác nghiệp. Tạo ác nghiệp, nếu như không thể vãng sanh, quả báo sẽ đọa vào Ngạ quỷ, Địa ngục, Súc sanh ba đường ác.

“**Hai bản Đường dịch và Tống dịch chẳng chép đủ**”, bản Đường dịch và bản Tống dịch, hai bản này rất đơn sơ; chỉ nói sơ lược, không nói tỉ mỉ. “**Bản Ngụy dịch chép đủ**, **thật là bản đứng đầu trong các bản dịch**”, bản của Khang Tăng Khải dịch rất tỉ mỉ; câu chữ hay, nghĩa lý đầy đủ, cho nên được lưu thông rất rộng. Trong năm loại nguyên bổn dịch, bản này được xem là bản tốt nhất. Nhưng lại thiếu hai nguyện “Nước không nữ nhân” và “Liên hoa hóa sanh”, nên chưa phô bày được đầy đủ. Trong 48 nguyện thì hai nguyện này rất quan trọng, trong bản của Khang Tăng Khải không nói rõ điều này. Vì vậy, ông Long Thư Vương Nhật Hưu đời Tống phê bình các bản dịch như sau, Vương Long Thư xem được bốn loại bản dịch nhưng chưa xem được bản Đường dịch; khi so sánh bốn bản dịch này với nhau, cư sĩ Vương Long Thư bảo rằng: “***Đại lược tuy giống nhau nhưng trong ấy có rất nhiều chỗ sai khác***”. Nói không sai, giống nhiều khác ít nhưng trong đó lại có rất nhiều chỗ khác biệt. Hơn nữa, lời văn mỗi bản dịch hoặc bị thiếu sót hoặc quá rườm rà, khiến mọi người chẳng muốn xem. “***Hoặc thiếu chỗ rất quan trọng đến nỗi mất cả ý nghĩa thật sự***, ***hoặc kinh văn có đề cập đến nhưng ý nghĩa đã bị mất***”, văn từ nói không sai nhưng ý nghĩa thì không đúng.

“***Do vậy***, ***kinh của đức Thích Ca văn Phật nói***; ***yếu chỉ độ sanh của A Di Đà Phật trở nên rối rắm chẳng rành mạch***, ***dài dòng nhưng không rõ ràng***, ***tôi thật tiếc lắm***”,đây là lời cảm thán của Vương Long Thư, nói rõ Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện tại thế gian giáo hóa chúng sanh. A Di Đà Phật kiến lập Thế Giới Cực Lạc, với nguyện vọng phổ độ chúng sanh. Nếu xem thấy kinh điển phiên dịch thành thế này, sẽ cảm thấy rất đáng tiếc, rối rắm, không rành mạch.

“**Uất nhi bất chương**”, chương ý là phô bày rõ rệt. Tối nghĩa, khiến người xem khó hiểu; hay nói cách khác, người bình thường sẽ coi không hiểu. Đây là sự việc vô cùng đáng tiếc! Thế là ông chọn lấy bản Hán dịch, Ngô dịch, Ngụy dịch và bản Tống dịch; bốn bản này, giảo chánh, hội tập, soạn thành một bản, đặt tên “Đại A Di Đà Kinh”. Đây chính là bản Hội tập đầu tiên của kinh này. Bản Hội tập của kinh này thì bản của Vương Long Thư, là bản đầu tiên. Đem bốn bản kinh hợp lại soan thành một bản, tiện bề cho người đọc, dễ thấy được nghĩa lý và giáo huấn trong kinh điển một cách rõ ràng. Các bản hiệu hội từ đời Tống đến nay, Vương Long Thư là người triều Tống, có bốn loại:

- Thứ nhất là “Đại A Di Đà Kinh”, do cư sĩ Vương Long Thư hội tập; ở đây viết là: “Quốc học Tấn sĩ Long Thư Vương Nhật Hưu đời Tống”. Quốc học Tấn sĩ là học lực của ông, đây là trình độ cao nhất, giống như học vị tiến sĩ hiện nay vậy; “Long Thư” là nơi mà ông cư ngụ, huyện Thư Thành, tỉnh An Huy; “Vương Nhật Hưu” là tên của ông-họ Vương, tên là Nhật Hưu. Ông dùng chữ “hiệu tập” chứ không dám nói là “Hội tập”, đây đều là sự khiêm tốn. Ông dùng bốn loại nguyên bổn dịch: so sánh, hiệu chỉnh, biên soạn thành một quyển sách. Đây chính là bản Hội tập đầu tiên.

- Thứ hai, tên kinh là “**Vô** **Lượng Thọ kinh**”, do Bồ Tát giới đệ tử Bành Tế Thanh đời nhà Thanh phân định chương mục và hiệu đính. Bản của ông không phải hội tập, mà là lấy bản Ngụy dịch; rồi bỏ đi phần kinh văn rườm rà, phức tạp, khó hiểu, làm thành một bản Tiết Hiệu. Đây là loại thứ hai.

- Bản thứ ba là bản của Ngụy Mặc Thâm, đời nhà Thanh. “**Bồ Tát giới đệ tử Thừa Quán Thiệu Dương Ngụy Nguyên**”, Thiệu Dương là quê quán của ông, ông là người Thiệu Dương, tỉnh Hồ Nam); Thừa Quán là tự; còn Ngụy Nguyên là tên. Ông hội tập bản này, đây là loại thứ bs.

- Thứ tư “**Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác kinh**”, bản này vào đời Dân Quốc, thời hiện đại “Dân Quốc”, do Bồ Tát giới đệ tử Vận Thành, thuộc tỉnh Sơn Đông, Ngài là người Sơn Đông, “Hạ Liên Cư” là tên của Ngài.

“Hội Tập”, như vậy kinh này có năm bản dịch gốc; bốn bản Hội tập, thành ra chín bản. Chín bản này, trước đây chúng tôi đem nó in thành một quyển, là một quyển lớn, chín bản đều nằm trong đó, càng tiện lợi cho đồng học tham khảo. Kinh Vô Lượng Thọ được phiên dịch thành Trung văn, thảy đều ở trong này. Các vị có thể từ từ xem, chín loại đều tốt, chẳng luận loại nào; đều là kêu bạn “*Niệm* *Phật cầu sanh Tịnh Độ*, *phát Bồ Đề Tâm*, *nhất hướng chuyên niệm*” được nói đến trong kinh. Chín bản này đều có những thứ khác đều không quan trọng, câu này hết sức trọng yếu. Có thể vãng sanh hay không, phải xem bạn có đầy đủ hai điều kiện này hay không: Điều kiện đầu tiên là “***Phát Bồ Đề Tâm***”, điều thứ hai là “***Nhất hướng chuyên niệm***”.

Ngẫu Ích đại sư rút ngắn câu này lại thành bốn chữ, càng đơn giản hơn. Người Trung Quốc thích đơn giản, càng gọn càng tốt, dễ dàng thọ trì. Ngẫu Ích đại sư giản lược thành bốn chữ, chính là: “***Tín, Nguyện, Trì Danh***”. Tín, nguyện tức là phát Bồ Đề Tâm; Trì Danh chính là nhất hướng chuyên niệm. Bạn nhìn xem, thật tuyệt diệu! Tịnh Tông tu hành chính là bốn chữ này, bốn chữ này xuất hiện trong “A Di Đà kinh Yếu Giải”. Ngẫu Ích đại sư là tổ sư đời thứ chín của Tịnh Độ Tông chúng ta. Chú giải kinh Di Đà của Ngài, quyển Chú giải này được đại sư Ấn Quang thời cận đại tán thán, thật sự tán thán đến tột cùng. Ấn Tổ nói: “**Dù cho cổ Phật tái lai để viết Chú giải cho kinh A Di Đà**, **cũng không thể vượt hơn cuốn này**”. Bạn xem ca ngợi đến mức như thế, đặc biệt là Chú giải của “Phát Bồ Đề Tâm”, Chú giải được quá hay! “Bồ Đề Tâm” vốn dĩ rất khó giảng. Trong “Quán Kinh”, vì chúng ta nói “Bồ Đề Tâm” có ba loại: Thứ nhất là “Tâm chí thành”; thứ hai là “Thâm tâm’; thứ ba tâm “Hồi hướng phát nguyện”, đây gọi là Bồ Đề Tâm.

Trong “Khởi Tín Luận”, Bồ Tát Mã Minh nói với chúng ta “Bồ Đề Tâm”: Đầu tiên là “Trực tâm”; thứ hai cũng gọi là “Thâm tâm”; thứ ba là “Tâm đại bi”. Chúng ta đem cách giảng trong kinh luận hợp lại xem. Tâm chí thành chính là trực tâm, trực tâm là đạo tràng; trực nghĩa là không có vòng vo. Tức là nói đến chân tâm. Đây là thể của Tâm Bồ Đề, là bản thể. Hai loại phía sau là tác dụng của Bồ Đề Tâm. Bồ Đề Tâm đối với bản thân mình, chính là “Tự thọ dụng”, tức là “Thâm tâm”. Hai quyển kinh luận này đều nói đến “Thâm tâm”. Thế nào là “Thâm tâm”? Người xưa có giải thích, bảo là tâm tốt đẹp, dùng cái ý này để giải thích. Đối với người khác thì sao? Trên luận thì nói là “Tâm đại bi”; còn trên kinh bảo là “Tâm hồi hướng phát nguyện”, tức là chúng ta hay nói đến “Tâm từ bi”.

Thuở đó, tôi ở Mỹ giảng kinh, giảng “Bồ Đề Tâm”, tôi bèn quy nạp thành mười chữ, mọi người càng dễ hiểu hơn. Thứ nhất là “Chân thành”, tâm chân thành là thể của Bồ Đề Tâm, chân tâm “Tự thọ dụng”. Tôi chọn đề kinh của kinh Vô Lượng Thọ “Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác”, đó là thâm tâm. Đối với bản thân cần phải thanh tịnh, phải bình đẳng, phải giác mà không mê. Đối với người khác phải từ bi, đại từ đại bi, đây gọi là Bồ Đề Tâm. Không có Bồ Đề Tâm không thể đến Thế Giới Cực Lạc, Thế Giới Cực Lạc là Đại Thừa. Cội gốc của Đại Thừa chính là Bồ Đề Tâm. Người Tiểu Thừa không có phần vãng sanh, nhất định phải chuyển từ tiểu thành đại, họ mới được vãng sanh. “Nhất hướng chuyên niệm” là công phu. Ngẫu Ích đại sư nói rất hay: “***Có******thể vãng sanh hay không****,* ***quyết định ở tín, nguyện có hay không***”. Hay nói cách khác, “Bồ Đề Tâm” là điều kiện đầu tiên đối với việc có thể vãng sanh hay không. Vãng sanh đến Thế Giới Cực Lạc bốn cõi ba bậc chín phẩm, “**Phẩm vị cao thấp là do công niệm Phật sâu hay cạn**”. Giải thích rất hay, đó chính là “***Nhất hướng chuyên niệm***” nhằm nâng cao phẩm vị vãng sanh của bạn.

Vãng sanh quyết định ở chỗ: “Tin thật, nguyện thiết”. Ta thật tin Thế Giới Cực Lạc có thật, A Di Đà Phật có thật, chắc chắn không phải giả. Phật, Bồ Tát tuyệt đối không gạt người, bạn phải chắc chắn điều này, không được có một chút hoài nghi nào; vậy thì Bồ Đề Tâm của bạn liền đầy đủ. Bạn phát tâm “Nguyện sanh về Thế Giới Cực Lạc”, cái nguyện này rất quan trọng. Tôi muốn vãng sanh Thế Giới Cực Lạc, muốn thân cận A Di Đà Phật. Có cái tâm như vậy, có nguyện như vậy, bạn sẽ có phần ở cõi Cực Lạc. Niệm Phật không phải nói đến chuyện nhiều ít, mà là nói đến công phu; công phu cạn sâu, đó tức là khẩn thiết.

Con người vào lúc tuyệt vọng, một lòng cầu Phật, Phật sẽ có cảm ứng. Hải Hiền lão Hòa thượng lúc 18 tuổi, trên chân bị một cái mụn nhọt, là mụn độc. Mẫu thân đi khắp nơi cầu thầy tìm thuốc, nhưng trị không khỏi. Bản thân Ngài đột nhiên hiểu ra, đây là bệnh oan nghiệt, thuốc hay khó trị bệnh oan nghiệt. Ngài làm thế nào? Không tìm thuốc nữa, không cầu bác sĩ nữa, cầu Quan Thế Âm Bồ Tát. Quan Thế Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn, nên Ngài nhất tâm chuyên niệm Quan Âm Bồ Tát. Niệm được hơn một tháng thì khỏi bệnh. Đây là gì? Là Bồ Tát cảm ứng. Cho nên Ngài đối với sự cứu khổ cứu nạn của Quan Âm Bồ Tát tin sâu, không nghi. Bồ Tát chắc chắn không vọng ngữ, chính mình gặp phải tai nạn này thật lòng cầu Ngài, Bồ Tát liền sẽ trị khỏi cho bạn, không cần đến thuốc men. Đạo lý này, hiện nay khoa học cũng nói được thông suốt.

Nhà khoa học cận đại, nhà lượng tử lực học, có vô số người nghiên cứu về niệm lực, tức là ý niệm, ý niệm sản sinh ra năng lượng. Năng lượng này lớn đến mức không thể nghĩ bàn, một lòng chuyên chú, chuyên nghĩ về một thứ, năng lượng đó sẽ ngày càng lớn. Quả thật, có thể khôi phục những tế bào bệnh tật trên thân chúng ta về trạng thái bình thường. Đây là giải thích của nhà khoa học, nhà khoa học giải thích không sai. Nhưng họ chỉ thấy được một phương diện của vật chất, họ không biết đến mặt tinh thần của nó, sức mạnh về phương diện này càng lớn hơn.

Sức mạnh của Phật, Bồ Tát, hạng phàm phu Lục đạo chúng ta không cách gì tưởng tượng nổi. Bạn không tin, các ngài không thể nào giúp nổi. Nếu bạn chịu tin, các ngài mới gia trì cho bạn được, cho nên người niệm Phật được Phật lực gia trì. Người tín ngưỡng tôn giáo thì được thần thánh gia trì; chuyện này có thật, không phải giả. Ngài Hải Hiền là ví dụ tốt nhất của chúng ta, Ngài có được Phật lực gia trì. “Bồ Đề Tâm” đối với chính mình là “Tự thọ dụng”; “Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác”, “Tha thọ dụng” là từ bi, đại từ đại bi. Nếu phát cái “Tâm” này, liền tương ưng với Đại Thừa. Thêm vào đó nhất hướng chuyên niệm, một phương hướng là Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, một mục tiêu là thân cận A Di Đà Phật. Dùng tâm thái như vậy để niệm Phật, niệm niệm liền sẽ tương ứng với A Di Đà Phật, Phật sẽ đến giúp bạn.

Pháp sư Oánh Kha triều Tống niệm được ba ngày ba đêm, không ăn không ngủ, để làm gì? Cầu cứu! Ngài biết chính mình nếu không vãng sanh chắc chắn sẽ đọa vào Địa ngục. Ngài phá giới, tạo tác ác nghiệp, tập khí ác quá nặng, không chịu nổi sự mê hoặc ở bên ngoài. Ba ngày ba đêm đã niệm được Phật đến, thật không dễ chút nào. Đó là do quyết tâm, nghị lực của Ngài. Phật nói với Ngài:

- “*Con vẫn còn mười năm thọ mạng. Mười năm sau, lúc con mạng chung, ta sẽ đến tiếp dẫn con*”.

Ngài Oánh Kha vào lúc đó, đúng như những gì cổ nhân nói: “**Phúc chí tâm linh**”, thấy được Phật là đại phước báu. Ngài đột nhiên thông minh ra, liền yêu cầu A Di Đà Phật:

- “*Mười* *năm thọ mạng con không cần*, *bây giờ con đi ngay với Ngài*”.

- “*Vì sao lại muốn thế?*”, Phật hỏi Ngài.

- “*Con nghiệp chướng nặng nề*, *chịu không nổi cám dỗ*. *Mười năm*, *lại không biết làm ra bao nhiêu sai quấy*; *con không cần*, *con đi ngay bây giờ*”, Ngài nói.

Nói rất có lý! A Di Đà Phật liền đồng ý với Ngài, Phật nói:

- “*Cũng được*, *ba ngày sau ta sẽ đến tiếp dẫn con*”.

Phật cho Ngài thời gian ba ngày để làm gì? Ba ngày này là để hoằng pháp lợi sanh. Nếu như lúc đó Phật mang Ngài đi, chẳng ai hay biết; người ta mở cửa phòng, Oánh Kha chết rồi, chẳng ai biết; tuy là Ngài vãng sanh, nhưng người khác sẽ nảy sinh hiểu lầm. Bạn xem, người này tạo nghiệp; cho Ngài ba ngày, Ngài mở cửa phòng nói với mọi người: “*Tôi niệm Phật ba ngày ba đêm*, *A Di Đà Phật đến rồi*, *bảo rằng ba ngày sau dẫn đến tiếp dẫn tôi*”. Trong chùa chẳng ai chịu tin: “*Người như thầy*, *làm gì có chuyện dễ dàng như vậy! ... Được, ba ngày cũng gần, xem ba ngày sau thầy có vãng sanh nổi không!*”, mọi người xem đó là trò cười. Ba ngày sau thật vậy, ngày muốn đại chúng tiễn Ngài vãng sanh, đại chúng đương nhiên hoan hỷ. Vãng sanh được là một chuyện tốt, mọi người cùng nhau nghe Ngài chỉ huy, niệm Phật tiễn Ngài. Niệm được, đại khái khoảng một khắc, một khắc vào thời xưa có lẽ khoảng hơn 40 phút của bây giờ, chắc cỡ gần 50 phút. Một khắc, Ngài bảo với mọi người: “*A Di Đà Phật đến rồi*”. Ngài thấy Phật, còn người khác không thấy. Cáo biệt mọi người: “*Tôi đi đây*”, liền đi thật.

Lúc đó, mọi người có thể không tin sao! Chính mắt nhìn thấy, một ác Tỳ kheo phá trai phạm giới như vậy; ba ngày ba đêm sám hối niệm Phật còn có thể vãng sanh, huống hồ những người chẳng tạo những nghiệp ấy. Ngài mang đến niềm tin cho mọi người, đây là câu chuyện của pháp sư Oánh Kha được ghi chép trong “Vãng sanh Truyện”. Mãi cho đến ngày nay, đã bảy, tám trăm năm; chúng ta xem thấy câu chuyện này, liền giúp chúng ta kiên định niềm tin. Đây là để Ngài hoằng pháp, để Ngài lợi ích chúng sanh. Cái biểu pháp ra đi sau cùng của Ngài, công đức này vô cùng thù thắng, cho nên chúng ta phải ghi nhớ.

Kinh nhiều như vậy, rốt cuộc quyển nào thì tốt? Đừng để ý, hãy học theo lão Hòa thượng Hải Hiền: “Cái gì cũng tốt”. Chín quyển này, quyển nào cũng tốt, không có ý kiến, tâm thái này đúng rồi. Hiện nay, làm việc xấu thì dễ thành tựu; làm việc tốt, chướng duyên đặc biệt nhiều. Do nguyên nhân gì? Mọi người có biết hay không? Vào cái thời đại này, chúng sanh phước mỏng, không có phước báu, lại sanh vào thời loạn thế. Người xưa có một câu nói: “***Thà làm chó thời bình*, *hơn làm người thời loạn***”. Hiện nay là thời loạn thế, làm người quá khổ, làm một chút việc tốt, chướng duyên chằng chịt.

Ngài Hạ Liên Cư hội tập quyển sách này cho chúng ta. Bạn xem những năm gần đây, điều này chưa từng có trong lịch sử Phật giáo ở Trung Quốc, người phản đối rất nhiều; người phê bình cũng vô cùng nhiều. Chẳng trách, mọi người đều từ bỏ quyển sách này. Truyền đến chỗ tôi, tôi liền nói: “*Người của toàn Thế giới đều không tin*, *còn tôi tin*”, vì sao? Vì quyển kinh này do đích thân thầy tôi trao cho tôi; nếu tôi không tin mà đổi một quyển khác, thì tội danh của tôi liền bị thành lập; bội thầy phản đạo, đó là tội danh thật sự. Cho nên tôi nói, dù người của toàn Thế giới không tin, tôi vẫn tin, tôi tôn sư trọng đạo.

Thầy của tôi là lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam, thầy học pháp môn niệm Phật với đại sư Ấn Quang, tôi tin thầy sẽ không nhìn lầm. Thầy truyền cho tôi, tôi cũng tự tin mình không nhìn lầm; tôi dùng quyển Mi Chú của thầy. Lúc trước, tôi giảng bản Hội tập này đã giảng qua mười lần; cách đây bốn năm, tôi buông bỏ kinh Hoa Nghiêm. Lớn tuổi rồi, không thể chờ được nữa, phải chuyên tu Tịnh Độ, phải cầu sanh Thế Giới Cực Lạc. Do đó, nên đổi thành Chú giải kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, là Tập chú. Giảng quyển sách này một năm giảng một lần, là 1.200 giờ; một ngày giảng bốn tiếng, là 300 ngày. Sau khi giảng xong một lượt mà vẫn chưa vãng sanh, tôi sẽ giảng thêm một lần nữa; năm nay, lần này là lần thứ 4. Về sau tôi chỉ chuyên giảng bộ kinh này, chẳng giảng thứ gì khác. Một bộ kinh, một câu “A Di Đà Phật”, vạn duyên buông xả. Các bạn không tin, còn tôi tin.

Tôi chưa hề gặp mặt Hải Hiền lão Hòa thượng, nhưng chúng tôi “Tâm tâm tương ưng”. Ngài hiểu tôi, tôi cũng hiểu Ngài, hai người chúng tôi đi cùng một con đường. Ngài là lấy cuộc sống, công việc để biểu pháp. Nếu bạn xem hiểu được, bạn sẽ minh bạch tất cả; còn xem không hiểu thì chẳng biết được gì.

Con đường tôi đi là do thầy dạy cho tôi, đó là giảng kinh dạy học, giảng kinh dạy học là công việc của tôi. Tôi di dân đến Úc, đã kết được mối duyên rất sâu với trường học ở Úc. Tôi từng đại biểu cho trường học, thay mặt nước Úc tham gia hội nghị hòa bình của Liên Hiệp Quốc. Đó là duyên, tôi không phan duyên, do họ đến tìm tôi chứ tôi không tìm họ. Khi tiếp xúc với hiệu trưởng trường học và các giáo sư, chúng tôi đều trở thành bằng hữu, thường hay cùng nhau trò chuyện. Họ phát hiện tôi có rất nhiều ý tưởng, nhiều cách thực hiện, có thể giúp cho thế giới này hóa giải xung đột. Chúng tôi một phương hướng, một mục tiêu, hy vọng thế giới mãi mãi an định hài hòa. Duyên phận như thế, quả thật là cái duyên vô cùng đặc thù, đến nằm mơ chúng tôi cũng không dám nghĩ tới. Có thể qua lại với Liên Hiệp Quốc, quen biết vô số các bậc tri sĩ hiền nhân, đồng tâm đồng đức. Họ đều đang tìm cầu một nền hòa bình dài lâu cho thế giới. Hội nghị năm nay tôi không cách gì đi được; 88 tuổi rồi, không muốn đi nữa.

Năm ngoái, tôi vẫn tham gia hội nghị hòa bình Unessco của Liên Hiệp Quốc. Về sau, những hoạt động thế này tôi không muốn đi nữa. Chuyến thăm Indonesia, Singapore với Malaysia lần này. Xem thử xem những người bạn cũ, những nơi này đều có duyên rất sâu với tôi. Nghe nói Đại học Hồi Giáo của Indonesia muốn mở ngành Hán học, tôi nghe xong thật vui mừng. Indonesia là quốc gia Hồi Giáo, là quốc gia Hồi Giáo lớn nhất trên thế giới. Dân số của họ có hơn 230 triệu dân. Luận về số dân, họ đứng thứ tư thế giới. Nếu họ làm ngành Hán học, nó sẽ có ảnh hưởng rất lớn đối với toàn Thế giới. Cho nên, tôi về lại trường học xem thử, lần này cùng với những doanh nhân hoa kiều ở Indonesia, đã gặp gỡ hai lần. Tôi hy vọng nhà doanh nghiệp có thể giúp đỡ cho Đại học, có thể làm thành công;

Viện Hán học cùng với “Thư viện Tứ Khố”. Tôi nhân tiện đến thăm Singapore, Singapore là nơi lúc đầu tôi đoàn kết chín tôn giáo thành một nhà, đoàn kết tôn giáo chính là bắt đầu từ nơi này. Năm đó tôi ở Singapore, được sự giúp đỡ của cư sĩ Lý Mộc Nguyên, ông giúp tôi liên lạc, làm người giới thiệu để tôi tạo dựng quan hệ với chín tôn giáo. Làm thành công rồi, sức ảnh hưởng rất lớn.

Malaysia cũng có mối duyên rất đặc biệt, đất nước này không lớn, dân số chưa đến 30 triệu, hiện nay còn chưa đạt được con số đó. Hoa kiều chiếm khoảng 1/3, hoa kiều ở Malaysia vô cùng đoàn kết, hết sức hiếm có. Hoa kiều tự mình xây trường học, Tiểu học có hơn 1.000 trường, Trung học có 62 trường. Viện Hán học là trường Đại học, không dễ gì làm Viện Hán học, vì sao? Không có giáo viên, thì ai dạy chứ? Trong nước, ngoài nước đều tìm không ra giáo viên Hán học, Hán học lại vô cùng cần thiết. Làm sao đây? Cho nên, tôi nhìn ra rồi. Trường học người Hoa của Malaysia, Tiểu học với Trung học. Tôi mong muốn giáo viên dạy sử văn ở trường học, dạy quốc văn và lịch sử Trung Quốc. Giáo viên những bộ môn này, tôi hy vọng họ phát tâm, trở thành nghiên cứu viên của Viện Hán học, để mỗi người họ chuyên công nơi, một môn. Nghiên cứu môn gì? Chuyên môn nghiên cứu “Quần Thư Trị Yếu”, vì sao? Vì để cứu quốc gia, cứu thế giới. Ngoại trừ bộ sách này ra, không có thứ nào có thể cứu văn nổi.

Cục diện của xã hội hiện nay đã rất cấp bách, chúng ta làm Viện nghiên cứu, tìm nghiên cứu viên. Hy vọng, có thể có 100 đến 300 nghiên cứu viên chuyên công nơi “Quần Thư Trị Yếu”. Bộ sách “Quần Thư Trị Yếu”, tổng cộng có 66 loại, vậy chúng ta sẽ mở 66 môn? Nghiên cứu viên chỉ có thể chọn một thứ, không thể chọn hai thứ. “Một môn thâm nhập, trường kỳ huân tu”, thời gian ước định là mười năm, mười năm chuyên chú vào một bộ sách. Mười năm sau, họ sẽ là một cuốn sách, là chuyên gia hàng đầu của thế giới, họ sẽ dạy bộ môn đó. Cho nên, bồi dưỡng giáo viên; mười năm sau, chúng ta mới làm trường Đại học, xây Đại học Trị Yếu.

Nếu ta có một nhóm giáo viên thế này, thế giới liền được cứu rồi. Chúng tôi thực hiện việc này, lần này cùng với các hiệu trưởng và giáo viên. Có làm một buổi giao lưu, tôi nói với mọi người suy nghĩ của mình. Tương lai, những nghiên cứu viên này họ sẽ có đãi ngộ. Bởi vì họ phải từ bỏ công việc của mình, thì họ lấy gì để nuôi gia đình chứ? Cho nên, đãi ngộ của chúng ta, phải không kém gì thu nhập hiện nay của họ, thì họ mới yên tâm được. Hiện nay, họ ở trường học nhận được bao nhiêu tiền, khi họ đến chỗ tôi làm công tác nghiên cứu cũng nhận được số tiền y như vậy. Tiền từ đâu mà có? Số Tịnh Tông học hội đã đăng ký với chính phủ Malaysia, có hơn 60 hội. Con số vẫn chưa đăng ký với chính phủ, đại khái có khoảng năm, sáu chục.

Nhiều Tịnh Tông học hội như vậy, tôi với những hội trưởng của những Tịnh Tông học hội này. Khi giao lưu có đề xuất ra, hy vọng mỗi một Tịnh Tông học hội thu nhận một nghiên cứu viên. Việc này, mọi người đều hoan hỷ, đều chấp nhận. Mỗi một Tịnh Tông học hội sẽ phụ trách một người, đãi ngộ của một nghiên cứu viên. Bây giờ chúng ta hay nói là tiền lương, còn ở Đài Loan gọi là tiền công. Tức là phải chu cấp cho họ số tiền này để gia đình họ không có mối lo về sau, họ có thể chuyên tâm nghiên cứu. Mười năm sau, họ có thể ra ngoài dạy học; mười năm sau, sẽ chính thức làm trường Đại học, đây là ý tưởng của tôi. Sau chuyến đi này trở về là có thể áp dụng, Trung Quốc có rất nhiều thứ tốt.

Hiện nay phải tìm người học, chân thật phát tâm học. Tôi phải chăm lo cho cuộc sống của họ, phải chăm lo gia đình họ. Cứu quốc gia, cứu thế giới, cứu toàn nhân loại; trong Viện Hán học có Nho, có Phật, có Đạo. Nếu như tôi còn khỏe, sau khi xây xong Viện Hán học, tôi cũng sẽ mở một môn ở đây là “Đại Thừa Vô Lượng Thọ kinh”; giáo trình của tôi một năm đến hai năm là kết thúc. Cũng tiến hành tương tự như vậy, xem thử Phật Pháp chúng ta sẽ dạy như thế nào? Phật Pháp khác với cách dạy học phổ biến của trường học. Chúng ta sẽ cho họ làm một bài thi, để họ ở trong nền giáo học của chúng ta mà hấp thu trí huệ. Nó cũng có ích đối với sự dạy học của họ. Có nhiều phiên bản cũng chẳng sao, không cần thiết phải tranh luận, tranh luận chẳng có chút ý nghĩa nào. Tranh luận là Diệt pháp, vì sao? Vì đại chúng trong xã hội xem thấy, bạn xem, các bạn tranh cãi như thế, thôi rồi! Không học nữa, khiến rất nhiều người thối tâm, đây là sự thật. Hiện nay, trong mỗi tôn giáo có lẽ đều có chuyện bất hòa, tông phái bất hòa với tông phái; thậm chí trong mỗi một đạo tràng, nội bộ bất hòa, tranh quyền đoạt lợi, để người khác sau khi nhìn thấy thối tâm. Đây chính là điều mà giám mục Vatican nói với tôi. Căn cứ vào điều tra của họ, người tín ngưỡng tôn giáo trên toàn Thế giới mỗi năm, ngày càng ít. Họ đưa ra vấn đề này với tôi, họ cảm thấy rất rầu rĩ. Hỏi tôi, phải làm sao? Lúc đó, tôi có kiến nghị với họ. Tôi nói: “*Tôn giáo phải trở về với giáo dục*, *tôn giáo phải đoàn kết*, *phải học tập lẫn nhau*”, đây là phương hướng hàng đầu.

Nhân tố chủ yếu chính là phải tán thán lẫn nhau, không thể phê bình nhau, phê bình nhau sẽ khiến cho đại chúng xã hội hoài nghi. Ai cũng đều bỏ đi cả, xa rời chúng ta rồi. Chúng ta tán thán lẫn nhau, học tập lẫn nhau, mọi người trong xã hội đều quay trở lại. Do đó, tôn giáo mới có thể hưng vượng. Hiện nay nhất định phải mở rộng tấm lòng: không thể nói tôi hưng vượng, anh không bằng tôi, điều này không được. Chúng tôi mong muốn mỗi tôn giáo đều hưng khởi, mọi người đều được phồn thịnh, thì mọi thứ sẽ thịnh vượng thôi. Chỉ mong cho mỗi mình phát đạt; mấy người không bằng tôi, đến sau cùng sẽ là “Cùng nhau tận diệt”, đạo lý này phải hiểu!

Ngày nay, bản Hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư có được sự biểu pháp của lão pháp sư Hải Hiền khi Ngài có được quyển sách “Nếu muốn Phật Pháp hưng, chỉ có Tăng khen Tăng”, nó có ý nghĩa gì? Đây là giáo huấn mà từ xưa đến nay, cổ đại đức để lại cho chúng ta. Phật Pháp hưng vượng, khen ngợi lẫn nhau thì Phật Pháp liền thịnh vượng, mọi người đều chăm lo cho gia đình của chính mình. Phỉ báng lẫn nhau, khen mình chê người, Phật Pháp sẽ bị suy vong, đến sau cùng Phật Pháp liền diệt vong. Nếu bạn tin vào những gì được nói trong kinh điển “**Tiêu diệt Phật Pháp**, **quả báo sẽ ở Vô Gián Địa ngục**”, vì sao lại tạo cái tội này? Người ta làm, họ có làm, đó là chuyện của họ, chẳng liên quan gì với tôi. Họ hủy báng, còn tôi tán thán, thậm chí là họ có hủy báng tôi, tôi vẫn tán thán họ, chứ tôi không phỉ báng họ. Vì sao? Vì tôi phải tuân giữ lời giáo huấn của Phật, Bồ Tát; tán thán lẫn nhau, sẽ không nảy sinh xung đột. Bất cứ người nào sống trên cuộc đời này đều phải nương dựa vào mọi người, một người không thể tồn tại một cách độc lập. Những thứ chúng ta mặc, chúng ta ăn mỗi ngày là do sự đóng góp của biết bao người. Những người này đều có ân với chúng ta, chúng ta đối với nam, nữ, già, trẻ, các ngành, các nghề trong thiên hạ chỉ có thể tán thán, cảm ân, chứ không thể có chướng ngại. Càng không được phép phỉ báng, xem thường, ngạo mạn; nhất định không cho phép. Học Phật, đầu tiên phải học làm người tốt cái đã.

Chúng ta xem tiếp bên dưới: “**Trong năm bản dịch**, **riêng bản Ngụy dịch phổ biến nhất**”, bản Ngụy dịch chính là bản dịch của Khang Tăng Khải. Ông phiên dịch rất tốt, được mọi người hoan hỷ, nhưng đến khi hội bản của ông Vương ra đời liền chiếm lấy địa vị ấy. Khi bản Hội tập của Vương Long Thư xuất hiện, mọi người đọc kinh Vô Lượng Thọ đều thích đọc quyển này. Người học năm bản dịch kia rất ít, thật sự bản dịch của ông Vương rất được mọi người chào đón. Liên Trì đại sư trong “Sớ Sao” bảo rằng: “**Phần nhiều dẫn kinh theo bản của ông Vương**”. Liên Trì đại sư soạn “A Di Đà kinh Sớ Sao”, bản Chú giải này uyên bác, tinh thâm; hoàn toàn dùng giáo nghĩa của kinh Hoa Nghiêm để Chú giải cho kinh A Di Đà.

Trước kia, chúng ta có giảng qua một lần, dùng hết bao nhiêu thời gian? Hơn 300 buổi, khoảng hơn 400 giờ đồng hồ. Một buổi giảng một tiếng rưỡi, hơn 300 buổi, giảng mất một năm. Bộ băng ghi âm này, lúc đó vẫn chưa có ghi h́nh lại, là băng ghi âm, vẫn còn dùng băng cassette. Thời gian đã qua rất lâu rồi, tôi mang bộ băng này đến Mỹ, ở bên Mỹ giảng kinh. Tôi đem bộ băng này để trên bục giảng, xếp thành một hàng, một hàng dài sít sao. Rất nhiều người tới xem, họ hỏi:

- “*Đây là cái gì vậy*?”

- “*Là giảng giải của kinh A Di Đà*”.

Mọi người cho rằng kinh A Di Đà rất đơn giản, nên chẳng coi ra gì. Vừa xem thấy bộ băng này, mấy trăm giờ đồng hồ, họ đều ngơ ngác. Đây là kinh A Di Đà sao? Là một bộ, giảng từ đầu đến cuối, một bộ hoàn chỉnh. Vì sao tôi phải bày bộ băng này ra? Vì tôi muốn bảo mọi người đừng xem thường Tịnh Độ, kinh điển Tịnh Độ tuy ít nhưng nghĩa lý lại rất phong phú. Tôi mang Tịnh Độ truyền sang Mỹ, bộ băng ghi âm này gây ảnh hưởng rất lớn.

Cho nên, Liên Trì đại sư trong “A Di Đà kinh Sớ Sao”, dẫn dụng văn tự của kinh Vô Lượng Thọ, hơn một nửa đều lấy từ bản của Vương Long Thư, vì sao? Do bản họ Vương phổ biến trong đời, người đời quen thấy. Vào lúc đó, bản này được lưu thông rất lớn, rất nhiều người đã đọc qua quyển sách này. Dùng bản của ông, mọi người sẽ rất quen thuộc.

“**Cuối đời Thanh**, **Ấn Quang đại sư cũng khen bản họ Vương**; **văn nghĩa tường tận**, **lưu thông mạnh trong đời**. **Do đây thấy được rằng bản của họ Vương được phổ biến ở Trung Quốc**, **còn hơn bản Ngụy dịch**”, vượt qua bản của Khang Tăng Khải. “**Bản họ Vương tuy rất phổ biến**, **còn được chép vào Càn Long Đại Tạng và Đại Chánh Tân Tu**, **Đại Tạng Kinh của nhật**”, đây chính là gì? Các bậc cao tăng đại đức vào thời đó cũng khẳng định, Vương Long Thư nói chẳng sai. Nên có thể đưa vào Đại Tạng Kinh, nhập tạng tức là khẳng định: “Thừa nhận quyển sách của anh đáng được lưu thông, có thể cung cấp để mọi người học tập”. Ngày nay, chúng ta đã không còn khả năng nhận biết. Sự ưu liệt của một quyển sách, tiêu chuẩn lấy bỏ của chúng tôi, là do lão sư chỉ dạy. Cứ xem thử nó có được đưa vào trong Đại Tạng Kinh hay không? Nếu như được nhập vào Đại Tạng Kinh, vậy quyển sách đó không có vấn đề. Nếu không được đưa vào Đại Tạng Kinh, vậy thì chúng ta nên cẩn thận dè dặt. Vì sao? Vì nó chưa được thông qua khảo nghiệm. Nhập Đại Tạng Kinh là một việc lớn, đượcbiết bao vị pháp sư đại đức tiến cử. Sau cùng, được Hoàng thượng phê chuẩn, như vậy mới được nhập Tạng Kinh.

Hiện nay, Hoàng thượng chẳng còn, đại đức cũng không có. Thuật in ấn lại thuận tiện đến thế, bản thân đều có thể tự in, đem những thứ mình thích đều đưa vào đó. Đây là sự thật, làm sao đây? Lão sư nói với tôi, một bộ Tạng Kinh sau cùng là “Long Tạng”. Tức là nói như cổ nhân vẫn bảo, phải sàng lọc một cách nghiêm khắc. “Long Tạng” là do trải qua sự tuyển chọn nghiêm khắc, từ “Long Tạng” trở về sau, thì phải cẩn thận dè chừng. Đây là lời lão sư dạy cho chúng tôi. Lựa chọn kinh luận, chú sớ nhất định nó phải có trong Tạng Kinh. Tạng Kinh Trung Quốc còn khắc khe hơn so với Tạng Kinh của Nhật Bản, vậy thì càng đáng tin hơn.

Chúng ta xem tiếp bên dưới: “**Nhưng tác phẩm của họ Vương có ưu điểm lẫn khuyết điểm**”, vẫn có chỗ thiếu sót. “**Chẳng hạn như Sớ Sao phê**”, tức là lời của Liên Trì đại sư. “**Bản Hội tập của ông Vương so với năm bản dịch**”, so với năm loại nguyên bổn dịch. “T**hì giản dị**, **rõ ràng**”, đây là lợi ích của bản này. “**Hiện đang lưu truyền**, **lợi ích rất lớn**”, bản Hội tập của Vương Long Thư rất hay. “**Nhưng chẳng dựa vào Phạn bản**”, ông không từ Phạn bản rồi trực tiếp phiên dịch. “**Duy chước**”, chước nghĩa là châm chước. “**Chỉ phối hợp bản tiếng hán**, **chưa đúng cách dịch thuật**”, ông là hội tập chứ không phải phiên dịch. “**Nếu dùng Phạn bản để dịch lại thành bản thứ sáu**, **không ai dị nghị**”, mọi người không có tranh luận đối với bản của ông. “**Do vậy**, **ông chẳng gọi là dịch mà bảo là giảo chánh**”, gọi là hiệu chỉnh. “**Cách ông ta chọn**, **bỏ lời dịch cũ cũng chưa trọn vẹn**”, cách lấy bỏ ở chỗ này, cũng tức là nói cách ông sắp xếp, lấy bỏ có những chỗ không được thỏa đáng cho lắm. Vì lẽ đó, người đời sau đã chọn ra khuyết điểm của ông.

“**Như** **với ba bậc vãng sanh**, **bản Ngụy dịch đều nói phát Bồ Đề Tâm**”, trong bản Ngụy dịch, phần “ba bậc” đều nói là “phát Bồ Đề Tâm, nhất hướng chuyên niệm”. Nhưng bản của Vương Long Thư lại không có, bản của Vương Long Thư chỉ có bậc trung mới phát Bồ Đề Tâm. Còn bậc hạ không có phát, bậc thượng thì chẳng đề cập đến. “**Như** **vậy là cao**, **thấp lẫn lộn**. **Vả lại**, **nhiều căn lành nói trong kinh**, **là cốt ở phát Bồ Đề Tâm**; **tuy ba bậc chẳng đồng lại cùng phát tâm**, **thì đấy đúng là yếu chỉ vãng sanh**; **nay ông lại lược đi nên bảo là chưa trọn vẹn**”, vấn đề này, quả thật đã bị người ta phát hiện ra rồi. Đây là sai sót nghiêm trọng, cư sĩ Vương Long Thư đã sơ suất ở điểm này. “**Lời luận của Liên Trì đại sư về chỗ tinh yếu thật là xác đáng**”, đại sư Liên Trì phê bình ông, sự phê bình này hoàn toàn xác đáng; quả thật là đã sơ suất, sơ suất nghiêm trọng.

“**Trong lời tựa của chính ông Vương có viết**, **chỗ nào văn manh mún**, **không thứ tự**; **lầm loạn chẳng so sánh được**, **thì dùng ý mình để sửa chữ**”, câu nói này là do chính cư sĩ Vương Long Thư nói ra. Trong nguyên bổn dịch giảng rất tạp, rất lộn xộn, đích thật khiến chúng ta đọc lên rất không thuận miệng, cũng rất khó hiểu. Việc này thì phải làm sao? Nên ông dùng ý riêng của mình để chỉnh lý lại từ đầu, đây là việc không được phép. Bởi vì, anh hội tập đồng nghĩa nói anh hội tập nhưng đã sửa kinh mất rồi! Chuyện này làm sao được chứ! Nếu như là nguyên văn tiếng Phạn thì không thành vấn đề, đó là do anh phiên dịch, bản thân có thể châm chước dùng từ như vậy. Hội tập thì không được, nhất định phải tôn trọng, phải là nguyên văn, từng câu từng chữ đều là nguyên văn.

Mãi cho đến bản này, bản Hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư mới đính chính lại hoàn toàn, tất cả những sai lầm thiếu sót này. Cho nên, trong số tất cả các bản Hội tập, không phải là bản Hội tập kinh Vô Lượng Thọ, ngoài kinh Vô Lượng Thọ ra, còn có rất nhiều kinh điển được hội tập. Hội tập trong lúc phiên dịch, các bản này đều nằm trong “Đại Tạng Kinh”. Dùng bản gốc tiếng Phạn thì được, nếu không dùng bản Phạn văn thì nhất định không được sửa đổi một chữ. Bản Hội tập này của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, mỗi một chữ đều nằm trong nguyên bổn dịch, không hề dám thay đổi một chữ. Đây là bản Hội tập thù thắng nhất trong số tất cả bản Hội tập, thật khiến người ta không còn gì để nói, tìm không ra khuyết điểm.

Bên dưới lại nói: “**Còn nếu hội tập**, **sao chẳng dùng lời dịch gốc**, **lại tự ý viết thêm**, **muôn phần chẳng nên vậy**”, bản Hội tập của Vương Long Thư đã phạm phải sai lầm này. “**Đến phần ba bậc phát tâm cũng vậy**, **tự tiện sửa đổi bản Ngụy dịch**, **đánh mất thứ tự cao thấp**”, thực chất cả ba bậc đều có “phát Bồ Đề Tâm, nhất hướng chuyên niệm”. Ngay trong bản của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, cả ba bậc đều có “phát Bồ Đề Tâm, nhất hướng chuyên niệm”. Còn bản Hội tập của cư sĩ Vương Long Thư không cách gì che giấu được vấn đề này, nó quá rõ ràng rồi. “**Cư sĩ Bành Nhị Lâm đời vua Càn Long nhà Thanh**”, Bành Thiệu Thăng cũng tức là Bành Tế Thanh, “**Cũng chẳng thỏa mãn với bản họ Vương**”, ông đối với bản Hội tập của Vương Long Thư cũng có ý kiến. “Trong tác phẩm Vô Lượng Thọ kinh Khởi Tín Luận”, Vô Lượng Thọ Khởi Tín Luận là do cư sĩ Bành Tế Thanh soạn, ông là người vào đời vua Càn Long.

Trong này, cư sĩ có lời phê bình đối với bản của Vương Long Thư. Ông nói: “**Bản của họ Vương so ra lưu loát**”, câu chữ lưu loát, nghĩa lý rõ ràng. “**Phổ biến mãi đến nay**, **nhưng có điểm đáng phê bình**, **như trong tự phần từ chữ ‘Du Bộ Thập Phương’ trở đi**, **nói rộng về hạnh nguyện Bồ Tát**, **nhằm khiến hành giả phát khởi Đại Tâm**; **tích tập cội đức**, **rốt ráo thành Phật**; **đấy chính là cương lãnh trọng yếu của chương mở đầu kinh này**, **nhưng ông Vương lại lược đi**”, cư sĩ Vương Long Thư đã lược bỏ mất đoạn văn này. Phần mở đầu rất quan trọng, nhưng lại không có. “**Đến phần hai bậc vãng sanh**: **bậc thượng và hạ**, **thì gạt bỏ phát Bồ Đề Tâm**, **bậc thì nói chẳng phát**”, phần trước quả thật có chuyện này. Đây là sai sót rất lớn của Vương Long Thư, ông đã sơ suất. “**Trong phần thai sanh**, **lược bỏ từ chữ ‘ngờ vực Phật trí’ cho đến ‘thắng trí’**”, phần “Ngũ chủng trí” quan trọng hơn hết thảy, làm sao khi hội tập lại không viết vào lại bỏ sót mất rồi. “**Trước đã trái với chánh nhân thành Phật**, **sau lại mất chánh trí vãng sanh**”, cư sĩ Bành Nhị Lâm nói không hề sai. “**Những điểm khác**, **như với thứ tự các nguyện**”, thứ tự trước sau đều bị lẫn lộn.

Những chỗ này, hậu nhân giúp ông giảo chánh là rất xác đáng. Cư sĩ Bành Tế Thanh thấy những sai sót trong bản Hội tập của cư sĩ Vương Long Thư, nên ông chuyên dùng bản Ngụy dịch, lược bỏ những chỗ phiền phức. “**Lại căn cứ theo bản của ngài Vân Thê**”, ngài Vân Thê tức là Liên Trì đại sư. “Thêm vào số thứ tự trước sau của bốn mươi tám nguyện”, đặt tên là Vô Lượng Thọ kinh, đây là bản thứ bảy, chính là bản Tiết Hiệu. “**Bản của họ Vương là bản thứ sáu**, **nhưng bản này chỉ là bản Tiết Hiệu của bản Ngụy dịch**”, nó không phải là bản Hội tập của các bản dịch. Ông không dùng đến bốn bản còn lại, chỉ dùng mỗi bản Ngụy dịch của Khang Tăng Khải. So sánh hai bản này “T**hì bản của ông Bành có ưu điểm hơn bản Ngụy dịch**”, bản Tiết Hiệu vẫn tốt hơn.

“**Cận đại**, **cư sĩ Đinh Phước Bảo**; **khi viết Vô Lượng Thọ kinh Tiên Chú**, **thì bản dùng để Chú giải là bản của họ bành**; **tiếc thay bản của họ bành chỉ là bản Tiết Hiệu**, **chưa bổ cứu được khuyết điểm của bản ông Vương**, **vẫn chưa được coi là bản tốt nhất**”. Bản của ông Vương dẫu sao cũng là bản Hội tập của bốn loại bản dịch; còn bản của ông Bành chỉ có một bộ, tức là bản Ngụy dịch của Khang Tăng Khải, đây là chỗ khác biệt. “**Triều Hàm Phong nhà Thanh**”, triều Hàm Phong, Từ Hy Thái Hậu chính là Thê tử của vua Hàm Phong. Sau Hàm Phong đời nhà Thanh, thế lực nước nhà suy giảm. Triều đình nổi loạn, kéo dài mãi đến lúc mất nước. Mãn Thanh quả thật mất nước trong tay của Từ Hy, vào triều Hàm Phong.

“**Cư sĩ Ngụy Thừa Quán ở Thiệu Dương cho rằng các bản dịch lẫn bản của ông Vương chưa hoàn thiện**, **bèn hội tập năm bản dịch gốc**, **soạn riêng thành một bản**, **đặt tên là Vô Lượng Thọ kinh**”, bản của ông Ngụy, chữ “ông Ngụy” này tức là Ngụy Thừa Quán. “**Hội tập năm bản dịch gốc**, **là nguồn gốc của Ngũ hội bản**”, người đầu tiên xem được tất cả năm loại nguyên bổn dịch, chính là Ngụy Thừa Quán. “**Bản họ Vương chỉ là Tứ hội bản**”, chỉ mới xem được bốn loại, ông vẫn chưa được xem bản Đường dịch. “**Dưới triều đồng trị**, **cư sĩ Vương Ấm Phước đặc biệt coi trọng bản họ ngụy**”, cực kỳ chú trọng bản của Ngụy Mặc Thâm. “T**ừng đích thân ghi rằng**; **gần đây**, **Thiệu Dương Ngụy cư sĩ lại thuận theo lời đại sư Vân Thê**”, tức là bản này căn cứ theo những lời của đại sư Liên Trì. “**Khảo sát khắp các bản dịch**”, các bản dịch chính là năm loại nguyên bổn dịch, ông thảy đều đã xem qua, rồi soạn riêng thành một bản; ý là hội tập thành một bản riêng.

“**Gồm trọn Tông yếu**, **văn từ giản dị**, **thích đáng**, **được coi là bản hay nhất của kinh này**”, kinh này ý chỉ cho kinh Vô Lượng Thọ; đây là bản Hội tập tốt nhất của kinh Vô Lượng Thọ. “**Ông Vương lại tra khảo khắp các bản**”, ông lại tìm tòi năm bản dịch còn lại để đối chiếu, đính chính lại; đồng thời cũng đổi luôn tên kinh, gọi là “Ma Ha A Di Đà kinh”. “**Trở thành bản thứ tám của kinh này**”, bản này cũng không tệ. Quả thật, bản sau trội hơn bản trước, càng trở về sau càng suất sắc. Những sai sót có trong các bản trước đây, bị mọi người phê bình. Phần sau đều đã sửa đổi lại tất cả, cho nên bản của Ngụy Mặc Thâm thật rất hiếm có.

Chúng ta xem tiếp bên dưới: “**Ông Ngụy phát tâm rộng lớn**, **lại tinh thông văn tự**”, ông có tài văn chương. “**Muốn cứu chữa khuyết điểm lớn là soạn kinh của cư sĩ Vương Long Thư**; **nên gộp đủ năm bản dịch hội tập thành một bản kinh**; **tận lực tìm tòi lai lịch của từng câu mong thành bản hoàn chỉnh**; **sở nguyện thật thù thắng**, **thành tựu cũng lớn lao**; **bản Hội tập của ông vượt xa bản họ Vương**”, vượt qua bản của Vương Long Thư. Việc này mọi người đều công nhận. “**Cư sĩ vương ấm phúc khen là bậc nhất trong tám bản kinh**, **cũng chẳng quá đáng**”, những lời này là lời của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Lời khen ngợi của Niệm lão, thật chẳng quá đáng chút nào. “**Đáng cảm khái là**”, nhưng Ngài cũng có sự nuối tiếc, tiếc cái gì? “**Ông Ngụy tuy tận lực sửa chữa khuyết điểm**, **tiếc thay vẫn chưa hoàn toàn tránh khỏi**”, cũng tức là ông vẫn phạm phải sai sót của Vương Long Thư. “**Nay** **sẽ nêu lên những điểm lớn rành rành như sau**”, rành rành ý là những sai sót hết sức rõ ràng. Niệm lão ở chỗ này đưa ra bốn ví dụ:

- Thứ nhất: “**Nguyện thứ hai trong bản họ ngụy là**, **nếu tôi thành Phật**, **trời**, **người trong nước**; **thuần là hóa sanh**, **chẳng có thai sanh**”, thì ở trong này: “**Bốn chữ ‘chẳng có thai sanh’ không tìm thấy trong các bản dịch**; **vả lại**, **bốn chữ ấy mâu thuẫn với lời văn của bản dịch gốc**. **Bản Ngụy dịch chép**: **Phật bảo Di Lặc**: **nhân dân cõi ấy có kẻ thai sanh**”, ông Ngụy bảo là “***Không có thai sanh***”, còn nguyên bổn dịch lại bảo “***Có kẻ thai sanh***”. Chuyện này có thể lấy kinh điển ra để đối chứng. “**Hai bản dịch đường**, **tống**”, cũng có đoạn này. “**Mà hội bản của họ ngụy viết**: **chẳng có thai sanh**”, lỗ hổng này không cách gì che đậy được. Có thể thấy rằng việc phiên dịch, hội tập kinh điển thật chẳng phải chuyện dễ.

Lưu thông rộng rãi, người xem lại quá nhiều. Có những người cẩn thận tỉ mỉ, đã tìm ra những khuyết điểm này. Còn bản Hội tập của Ngài Hạ Liên Cư thì Ngài tự mình tìm. Ba năm, Ngài hội tập thành công; lại dùng thời gian bảy năm để tìm khuyết điểm. Do đó, bản của Ngài gần như gọi là mọi người không cách gì tìm ra sai sót; Ngài tự mình hạ công phu.

- Thứ hai: “**Một** **đoạn Ngũ ác**, **Ngũ thống**, **Ngũ thiêu có đến vài ngàn chữ**”, đoạn này rất dài, “**Mà bản họ ngụy tóm tắt thành**: **lúc sanh đau**, **lúc già đau**, **lúc bệnh đau**, **lúc chết đau**, **hoạn nạn cùng khổ đau đớn**; **lửa dâm dục đốt**, **lửa sân hận đốt**, **lửa tham trộm cắp đốt**, **lửa tà ngụy đốt**, **lửa ngu si đốt**, **đấy là Ngũ thống**, **Ngũ thiêu**”. Đem đoạn kinh văn đến mấy ngàn từ, rút ngắn lại thành có mấy câu thế này: “**Ngụy cư sĩ vốn nguyện ‘không một chữ nào chẳng có lai lịch’**, **nhưng tiếc chưa thể thật triệt để ý nguyện ban đầu**. **Đoạn trên đây**, **so với các bản dịch chẳng có lai lịch**”. Phần này là do chính ông Ngụy tự mình chép vào, trong nguyên bổn dịch không có đoạn văn này. Điều này đồng nghĩa với một đoạn văn dài như thế, ông đã rút ngắn nó lại. Đây là do tự mình soạn ra, chuyện này không thể được. Chữ chữ câu câu phải có trong kinh văn của nguyên bổn dịch, bạn làm sao có thể dùng ý riêng của mình được. Làm thế là sai rồi!

- Thứ ba: “**Hội bản của họ ngụy nói cung điện**, **lầu quán**, **đường vũ**, **phòng gác của Cực Lạc**, **hoặc ở trên Hư không**, **hoặc trên đất bằng**, **hoặc nương cây báu mà trụ**”, câu “Nương cây báu mà trụ” đều không hề có trong năm loại bản dịch. Chúng ta chưa hề thấy câu “Nương cây báu”, câu “Nương cây báu” là do tự ông thêm vào. Như thế tức là phạm phải nguyên tắc hội tập.

- Thứ tư: “**Trong hội bản**, **câu ‘từ đấy về sau**, **Vô Lượng Thọ kinh cũng giảm**, **chỉ trừ bốn chữ A Di Đà Phật rộng độ quần sanh’ cũng không có trong bản dịch nào**”, đều không có mấy câu này; không có trong năm loại nguyên bổn dịch; phần này là ông dựa vào ý riêng của mình. Trong kinh điển có cái ý này, nhưng không có những câu như vậy, văn tự là do ông tạo ra. “**Do những điều trên có thể thấy**, **bản của họ ngụy so với các bản có trước**”, so với các hội bản, cùng với bản của Vương Long Thư và bản của Bành Tế Thanh; “**Tuy bản sau trội hơn bản trước**”, so với các bản trước thì tốt hơn. “**Tiếc rằng vẫn chưa hoàn toàn tránh nổi cái lỗi thêm chữ sai lầm**”, ông vẫn chẳng cách gì tránh khỏi, thật không dễ chút nào.

“**Cái** **lỗi lớn ấy ắt phải sửa chữa**”, đây là sai lầm nghiêm trọng, nhất định phải chỉnh sửa lại. “**Hầu tránh cho đời sau thành thói**”, hậu thế lại bắt chước theo. Bậc tiền bối có thể làm như vậy, tôi cũng có thể làm. Tương lai, kinh văn sửa tới đổi lui thì còn ra thể thống gì nữa, không thể đọc được. “**Thậm chí soán cải kinh văn**; **vì vậy**, **cần phải ngừa lỗi nhỏ lâu ngày thành to**, **tuyệt trừ nguồn tội**”, đây là nguồn gốc của việc tạo tác tội nghiệp. “**Lại khiến Đại Kinh chóng có được bản tốt nhất**”, quả thật kinh Vô Lượng Thọ vẫn chưa có được một bản hoàn thiện. Mọi người đều có nguyện vọng này; “**Bởi thế**, **tiên sư là lão cư sĩ Hạ Liên Cư bèn soạn ra bản thứ chín**”, chính là bản mà chúng ta hiện nay đang sử dụng. Những tệ nạn, sai lầm trong các bản trước đều không tìm thấy trong bản này. Tất cả sai sót đều được sửa chữa chỉnh lý lại, làm thành Thiện bổn.

Phía sau là phần giới thiệu về lão cư sĩ Hạ Liên Cư, “**Tiên sư Hạ Liên Cư cư sĩ**”, đây là cách xưng hô của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, Ngài là học trò của Hạ lão, nên gọi là tiên sư. “**Vị** **quan học Nho**”, đó là lúc Ngài còn bé. “Quan” nghĩa là lúc 20 tuổi, vị quan là lúc trước 20 tuổi, Ngài học Nho, Ngài ở vào triều đại Mãn Thanh. “**Trước là Trình**, **Chu**”, tức là Trình Tử và Chu Tử. “**Sau Lục**, **Vương**, **trưởng thành học Phật**”, tức là nói, ông có một nền tảng đáng kể đối với Nho giáo. Tráng niên, 40 tuổi thì gọi là tráng niên. Ngài học Phật, học thiền, học mật; sau cùng quay về Tịnh Độ. “**Cụ Hạ thông suốt các sách vở**, **hiểu sâu văn tự**; **dụng công lâu dài**, **hiểu tường tận giáo pháp**”, đây ý nuốn nói đến nền học vấn của Ngài, chúng ta có thể tin tưởng. “**Đến năm nhâm thân** (1932); **Phát nguyện hiệu đính kinh này**”, trước thời kháng chiến thì Ngài đã bắt đầu làm rồi.

Năm đó, tôi vẫn còn nhỏ, tôi sinh năm 1927. Đến 1937 mới được mười tuổi, lúc đó tôi mới khoảng năm, sáu tuổi. Năm đó, Ngài phát nguyện hội tập lại bộ kinh này. “**Đóng cửa tạ khách**, **suốt cả ba năm**, **xét kỹ cả năm bản dịch gốc**, **khảo sát kỹ càng hội bản của ba nhà**”, bế quan suốt ba năm để làm gì? Chính là để làm công tác hội tập. Thành tựu của ba năm chính là quyển sách này, đây là bản được hoàn thành sớm nhất. Ngài dùng bản của Ngụy Mặc Thâm làm bản căn cứ, dùng quyển này để đối chiếu đính chính lại. So sánh với các bản dịch, tu chính lại những chỗ sai lầm của nguyên bổn. Cho nên, thành tựu được quyển sách này. Trong quyển sách này có tổng cộng 37 phẩm, có lẽ lúc đầu nghĩ sẽ có 37 phẩm. Sau đó, lại đổi thành như bản chúng ta dùng hiện nay, là 48 phẩm, ứng với 48 nguyện. Sau khi bản này làm thành công, lại dùng thêm bảy năm, trước sau tổng cộng hết mười năm. Từ trong này tìm tòi chọn lựa, xem có sai lầm không, có thiếu sót không, có thêm vào ý riêng của chính mình hay không, có tự động sửa đổi một chữ nào không.

Chính Ngài dùng thời gian bảy năm, cẩn thận dè dặt từng chút, nên mới nói là: “**Không một câu nào chẳng xem xét kỹ**”, xem xét tỉ mỉ. “**Không một chữ nào chẳng cân nhắc**”, đối chiếu lại với các bản dịch với thái độ “**cung kính**, **cẩn thận**, **ngày ngày khấn cầu trước Phật**”. Bạn xem, thái độ của Ngài chân thành đến tột bậc, cung kính đến tột bậc, quá thành kính.

“**Thiên châm vạn chước cả trong giấc ngủ**”, buổi tối đi ngủ, bởi do suy nghĩ quá nhiều. Ngày qua ngày đều nghĩ, nên buổi tối đến nằm mơ vẫn còn nghĩ. “**Đến khi hoàn thành**, **Tứ chúng hoan hỷ**”, đến khi hoàn thành, chính là quyển sách tôi vừa cầm lúc nãy. Trong đó còn có “**Lão pháp sư Huệ Minh là bậc thông triệt cả tông lẫn giáo**, **Ngài là thầy quy y của cụ** **Hạ**”, đắp y, nâng kinh. “**Chụp ảnh trước điện Phật**, **đích thân ấn chứng**”, bức ảnh này hiện được in ở mặt trước của bộ kinh. “**Cậu tôi**”, cậu của Niệm lão là lão cư sĩ Mai Quang Hy (Hiệt Vân) là tên của cậu Ngài. “**Giảng liên tục trên đài phát thanh**, **khen là bản hay nhất**, **Từ Châu pháp sư chuyên giảng kinh này ở đất Kinh Lỗ**”, tức là Bắc Kinh, “Lỗ” là một khu vực ở Sơn Đông.

“**Cũng đích thân soạn Khoa phán**”, phần Khoa phán này hình như có, đều có lưu lại. Phần trước có phán khoa, phán khoa này do chính tay cụ Hoàng Niệm trao cho tôi, tôi đem nó in chung một lượt. Lúc đó, đại sư Mai Quang Hy giảng bản này trên đài phát thanh, không phải bản Hội tập hiện tại chúng ta đang dùng. Mà là cái quyển xuất hiện đầu tiên, cũng chính là bản được pháp sư Từ Châu giảng dạy, thật không dễ gì. Đây là phần giới thiệu lịch sử của bộ kinh này.

“**Lão Hòa thượng Diệu Thiền**, **Phương trượng Cực Lạc Am ở Bắc Kinh**, **mời Hội trưởng Sơn Đông nữ tử Liên xã là Ngô Thiến Hương**, **đến chùa giảng kinh này suốt hai tháng**”, đều là dùng quyển sách này. “**Còn những người phát tâm hoằng dương**, **chuyên chú trì tụng chẳng tính nổi số**; **ấn hành**, **lưu thông liên tục chẳng dứt**; **vì vậy**, **cậu tôi là Mai lão cư sĩ khen rằng**: **yếu chỉ của Tịnh Tông cùng thâm cực vi**; **phát huy được chỗ uẩn áo**, **mà tiền nhân chưa phát huy được**”.

Lại nữa, “**Tinh đáng minh xác**, **rành rành có chứng cứ**; **không một nghĩa nào chẳng thuộc bản dịch gốc**; **không một câu nào ra khỏi kinh gốc**; **đủ các điểm hay**, **không sự thật nào chẳng thâu tóm**; **tuy muốn cho là bản chẳng hay cũng chẳng được**”. Những lời này là lời của đại sư Mai, tức là do lão cư sĩ Mai Quang Hy nói. Cư sĩ Mai Quang Hy là thầy của lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam, lão sư Lý học Phật chính là học với Ngài. Chúng ta mà thấy thì phải gọi Ngài là Sư Công, đây là nguồn gốc và sự phát triển của Mạch pháp. Mai lão với Hạ lão là anh em huynh đệ, là bạn tốt của nhau. Vào thời đó, người trong xã hội thông thường đều nói “Nam Mai Bắc Hạ”. Mai lão là người Nam Xương, Nam Xương thuộc tỉnh Giang Tây. Phía nam vùng Giang Nam thì có cụ Mai Quang Hy; phía bắc Sơn Đông thì có cụ Hạ Liên Cư. Đây là hai vị đại đức tại gia học Phật. Hai vị đại đức này học cùng với một vị thầy, đều là đệ tử quy y của lão Hòa thượng Huệ Minh.

“**Lời của cậu tôi nay đã được mọi người công nhận**, **còn đem bản kinh này thâu nhập vào ấn bản mới của Tục Tạng**”, đáng tiếc ấn bản mới của Tục Tạng lại nhằm vào thời chiến tranh. Việc thâu nhập bị chướng ngại, chưa được in ấn thành công. Ấn bản mới của Đại Tạng Kinh gọi là “Dân Quốc Đại Tạng Kinh”, xuất bản chưa nhiều thì đã bị ngưng lại. Sau khi chiến tranh Trung-Nhật bùng phát, việc ấn tạng này đã bị ngưng lại. Nhưng cũng in được một phần nào, tôi coi có một quyển, có một số chỗ thiếu sót chưa được hoàn chỉnh, gọi là “Dân Quốc Đại Tạng Kinh”.

Bản kinh này cũng được xem là Thiện bổn, được giảo chánh đối chiếu rất nghiêm túc, rất kỹ càng, bởi các bậc đại đức trong Phật môn đương thời. Hiện nay thì không thể nào được nữa, vì sao? Vì nền tảng Quốc học, không thể nào sánh nổi với bậc tiền bối. Cho đến việc học tập, lĩnh ngộ nơi Phật Pháp; cũng không so nổi với người xưa, tức là không bì kịp người cách đây một đời.

Phật Pháp vào thời nay, cùng chung số phận với nền văn hóa truyền thông Trung Quốc. Chúng tôi rất nóng ruột, làm thế nào để chúng có thể được truyền thừa mãi mãi? Điển tịch, chúng tôi cũng đã tận tâm tận lực rồi. “Tứ Khố” và “Hội Yếu”, đây là báu vật quốc gia, nhưng chẳng ai biết, người biết thì không còn sức. Thương Vụ Ấn Thư Quán, tuy đã in sách ra rồi, số lượng không nhiều vì bộ này quá lớn. Người bình thường không thể mua nổi bộ này, có mua được cũng chẳng có nơi cất giữ. Tôi rất sốt ruột, Tứ chúng đồng tu cúng dường tôi tiền bạc, tôi đều mang đi mua sách. “Tứ Khố Toàn Thư” của Thương Vụ Ấn Thư Quán, tôi vừa mua cho họ hết 112 bộ, họ tính cho tôi vì tôi là khách hàng lớn quen thuộc. Tuy là trước giờ chưa gặp mặt nhau, một bộ sách lớn như vậy, họ tính cho tôi rất rẻ, rất ưu đãi đặc biệt.

Một bộ là 50 ngàn đôla, tôi mua 112 bộ. Còn “Hội Yếu”, phân lượng của nó chiếm khoảng 1/3 của “Tứ Khố”. Tôi mua hơn 270 bộ, tặng cho thư viện Đại học, Thư viện Quốc Gia đem nó thâu tạng. Vì sao? Nhằm hy vọng bộ sách này được tiếp tục giữ gìn, mãi mãi không bị thất truyền. Khi bộ sách này chưa được in ra, chúng tôi ngày ngày thấp tha thấp thỏm. Ở Đài Loan, chỉ có được một bộ Hội Yếu, là bản đơn lẻ; còn “Tứ thư” thì chỉ có một bộ, nhưng “Tứ thư” hình như ở bảo tàng Luân Đôn của Anh Quốc cũng có một bộ; “Toàn thư” thì hình như toàn Thế giới có được ba bộ; “Hội Yếu” chỉ có một bộ. Chỉ sợ những thứ này, trong cơn động loạn sẽ bị thất lạc, vậy thì đáng tiếc biết dường nào! Chúng tôi tốn hơn mười triệu đô mua lại hai bộ sách này, có lẽ sẽ không bị thất lạc nữa. Như vậy yên tâm được rồi.

Việc thứ hai hiện nay, chính là biết tìm ai để học đây? Nếu không có người có thể đọc hiểu được, vậy coi như uổng công rồi. Cho nên tôi nghĩ ngay đến Viện Hán học, thành lập Viện Hán học để làm gì? Để bồi dưỡng người có khả năng đọc được những sách này. Phải có khả năng đọc được hai bộ này, chân thật đến học tập, đọc cho được hai bộ sách này. Tôi còn phải chăm lo cuộc sống gia đình họ; tôi nhất định tìm giáo viên ở các trường học. Những người dạy quốc văn và dạy lịch sử, tức là giáo viên dạy tiếng trung, vì họ biết cách đọc sách. Họ ngày ngày lên lớp, họ sẽ biết cách phải dạy thế nào? Họ có năng lực này. Tôi sẽ để họ đọc các sách cổ này, rồi giảng lại cho mọi người.

Viện Hán học thực hiện thành công rồi, chân thật có năm, sáu chục giáo viên. Tôi nghĩ ngay đến làm đài truyền hình vệ tinh, để làm gì? Để dạy học. Những giáo viên này sẽ ngày ngày giảng kinh, rồi cho phát sóng trên toàn Thế giới qua vệ tinh. Người có hứng thú học tập, chỉ cần ngồi trước màn hình tivi là học được rồi. Tôi nghĩ đến những phương pháp này, những thứ này sẽ cứu được văn hóa truyền thống Trung Quốc, có thể hóa giải xung đột thế giới. Thế giới liền có thể khôi phục an định hài hòa; để nền văn hóa truyền thông Trung Quốc, trở thành nhận thức chung của nhân loại toàn Thế giới. Hiện nay chúng tôi đang đi con đường này, thế giới mới có được nền an định hài hòa mãi mãi, vĩnh viễn sẽ không phát sinh chiến tranh.

Ngày nay mà nảy sinh chiến tranh, đó tức là hủy diệt toàn Thế giới. Vũ khí hạt nhân, sinh hóa có thể hủy diệt toàn nhân loại, có thể hủy diệt tất cả sáng tạo trong lịch sử văn hóa của loài người. Chúng ta hãy xem những gì được ông Thang Ân Tỷ nói vào lúc cuối đời, ông vô cùng bận tâm đến vấn đề này. Chúng tôi cũng có cùng một suy nghĩ như ông, chúng tôi với ông là đi cùng một con đường.

Phía sau nói: “**Đại Tạng Kinh bụi phủ ngàn năm**”, bởi vì chưa có được Thiện bổn, nên rất khó lưu thông. “**Nay** **có được bản hoàn thiện**”, chúng ta vừa có được một quyển sách hay thế này. “**Ý nguyện hội tập kinh của tiên hiền đã viên mãn**”, đến khi bộ kinh này xuất hiện, hội kinh, hội tập mới được xem là viên mãn. “**Đại Kinh phóng quang**, **chúng sanh hữu hạnh**”, hai câu này muốn nói đến cái gì? Ý hai câu này muốn nói đến chính là: Tập Chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, dùng kinh để Chú giải kinh, dùng chú sớ của Tổ sư đại đức để Chú giải kinh. Đem ý nghĩa kinh điển giảng rõ ràng, minh mạch và thấu triệt; đây gọi là phóng quang. Chúng sanh có phước, chúng sanh tức chỉ những người chúng ta. Những người không tin, họ sẽ không có phần. Người hoài nghi, cũng không có phần. Chúng ta may mắn, phải cảm ân lão sư. Nếu không phải lão sư truyền thừa, chúng ta làm sao có thể tin được! Niềm tin của chúng ta là có điều kiện.

Tôi theo lão sư Lý mười năm, suy nghĩ và cách nhìn của thầy tôi hoàn toàn hiểu rõ. Tôi hiểu được hệ thống suy nghĩ của thầy đối với kinh điển, tôi hiểu phương pháp của thầy. Cho nên, trên cơ bản mà nói, những bút ký mà thầy đã viết trên Chú giải của kinh, viết ra những giảng giải của mình, tôi hoàn toàn có thể liễu giải được. Tuy tôi chưa được nghe thầy giảng, nhưng khi tôi cầm lấy những phần tư liệu này. Y theo tư liệu, rồi giảng bộ kinh này, cũng gần như giống với đích thân thầy giảng vậy, khá là giống nhau. Do đó, những gì lão sư truyền lại có thể sai được sao!

Bộ kinh này truyền đến Đài Loan, Từ Hàng pháp sư là một tướng quân, sau khi về hưu thì đi xuất gia, ông là một trung tướng; ông mang theo mấy bộ đến Đài Trung tặng cho lão sư Lý. Lão sư Lý vừa mở ra, nhìn thấy phần mở đầu ở phía trước là do thầy của thầy làm. Phần lời tựa của Ngài Mai Quang Hy, gieo mình năm vóc sát đất, phần lời tựa giới thiệu rất rõ ràng. Cho nên, thầy ở Đài Trung giảng qua một lần, giảng có Mi Chú, phân đoạn đều được đánh móc lại. Thầy đã trao cho tôi quyển sách đó, quyển sách này chỉ có một bản, không có bản thứ hai. Nhưng tôi cũng in nó ra rồi, toàn bộ Mi Chú của thầy đều được in ra. Tôi đã in mười ngàn quyển, như vậy sẽ không bị thất lạc nữa. Tôi chỉ có một mình, lại không có nơi ở cố định. Dọn tới dọn lui, sớm muộn gì cũng để lạc mất. Tôi in quyển sách đó ra như vậy sẽ không lo nữa, cũng không sợ bị thất truyền.

Đây là sứ mạng quan trọng nhất của đệ tử Phật môn chúng ta. Tức là phải mang Mạch pháp truyền thừa tiếp tục, không thể để đoạn tuyệt trong tay của tôi được. Tôi phải nghĩ hết mọi phương pháp để nó truyền đi, đó chính là in với số lượng lớn, lưu thông số lượng lớn, như vậy sẽ không bị thất truyền. Cúng dường Thập phương, tôi sẽ làm chuyện này. Ngày nay muốn kiến lập Viện Hán học, phải giúp cho những người chân thật phát tâm, nghiêm túc học tập. Cho nên, đây là do chúng sanh có phước. Bản kinh mang tên: “Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác kinh”, là bản của Đại Kinh, tức là bản thứ chín của kinh Vô Lượng Thọ.

Hôm nay thời gian đến rồi, chúng ta học đến chỗ này.

**A Di Đà Phật.**

**NHẤT MÔN THÂM NHẬP-TRƯỜNG KỲ HUÂN TU**

**LÃO THẬT NIỆM PHẬT**

**BUÔNG XẢ VẠN DUYÊN**

**NHẤT TÂM NIỆM PHẬT-CẦU SANH TỊNH ĐỘ**

**THÀNH THẬT- NGHE LỜI – THẬT LÀM**

***XIN THƯỜNG NIỆM***

**A DI ĐÀ PHẬT-A DI ĐÀ PHẬT-A DI ĐÀ PHẬT**

